

Tựa đề 14 TIỀN ÍCH CÔNG CÔNG**Chương 14.12 GIÁ NƯỚC VÀ CÁC PHÍ****14.12.010 Tiền đặt cọc.**

Mỗi đơn xin dịch vụ cấp nước sẽ đi cùng với tiền đặt cọc bằng tiền mặt hợp pháp của nước Mỹ, số tiền được quy định rõ trong chương này, nhưng người nộp đơn nào đã có uy tín với thành phố thì không cần đóng tiền đặt cọc. Người nào trả tiền hóa đơn nước sinh hoạt cho thành phố đúng thời hạn mỗi tháng trong khoảng thời gian ít nhất một năm sẽ được cho là đã có uy tín với thành phố. Những người chủ sở hữu các cơ ngơi được cung cấp dịch vụ cấp nước sinh hoạt trả tiền hóa đơn nước cho thành phố đúng thời hạn trong khoảng thời gian ít nhất một năm, theo yêu cầu, thì tiền đặt cọc của họ sẽ được trả lại. Tất cả những người khác đóng tiền đặt cọc dưới đây sẽ được hoàn trả tiền đặt cọc khi tài khoản của họ đã đóng rồi, nhưng thành phố sẽ khấu trừ bất kỳ số tiền nào trong hóa đơn mà họ chưa trả trước khi thành phố trả lại tiền đặt cọc ấy cho họ. Không cần phải hoàn trả tiền đặt cọc nếu không trả lại biên lai được đưa ra trước đó. Lúc hết hạn một năm sau khi đưa ra hóa đơn cuối cùng lúc đóng tài khoản, và sau khi đưa ra hai yêu cầu bằng văn bản để lấy lại tiền đặt cọc dựa theo số tiền đặt cọc hoặc khoản dư còn lại cho người đứng tên tài khoản và có tên trong biên lai tiền đặt cọc thì người đó sẽ mất số tiền đó và số tiền đó sẽ được chuyển sang quỹ điều hành nước sinh hoạt. (Bộ luật ưu tiên § 7312)

14.12.020 Tiền đặt cọc tối thiểu.

Tiền đặt cọc tối thiểu, dựa trên kích thước của đồng hồ đo nước đang được đề cập đến, phải được đóng cùng với đơn xin dịch vụ cấp nước sinh hoạt, số tiền đặt cọc phải đóng đã định bởi nghị quyết của hội đồng thành phố. Người nộp đơn cũng cần phải đóng thêm tiền đặt cọc cho dịch vụ phụ thêm, dựa theo số tiền cho mỗi căn đã định bởi nghị quyết của hội đồng thành phố, cho mỗi căn tại nơi có nhiều hơn một căn nhà, căn phòng, cửa hàng, văn phòng, hoặc nơi tương tự được thêm vào đã được kết nối với một đồng hồ đo nước. (Sắc lệnh 1849 § 3, 1993; Sắc lệnh 1784 § 1, 1989; Sắc lệnh 1639 § 1, 1985; Sắc lệnh 1394 § 1, 1975; bộ luật ưu tiên § 7313)

14.12.030 Giá-Các Phí.

Giá cả và các phí được trình bày trong đoạn này và trong những đoạn sau này là cố định và sẽ được thanh toán bởi những người tiêu dùng và sẽ được thu bởi sở nước. (Bộ luật ưu tiên § 7314)

14.12.040 Dịch vụ từ các ống dẫn nước chính.

Ngoại trừ nơi nào không thực tế, theo quan điểm của hội đồng thành phố, tất cả cơ ngơi sẽ được cung cấp nước sinh hoạt từ ống dẫn nước chính được lắp đặt trong một đường phố hoặc hành lang tuyến ống ở trước hoặc tiếp giáp cơ ngơi đó. Nếu không có ống dẫn nước chính, thì cơ ngơi đó bắt buộc phải dẫn nước từ ống dẫn nước chính để được cấp dịch vụ. (Bộ luật ưu tiên § 7314(A))

14.12.050 Kết nối với ống dẫn nước chính hiện tồn.

Nếu có một ống dẫn nước chính hiện tồn trong vòng hai mươi lăm bộ và có thể lấy nước sinh hoạt từ đó, một cơ ngơi trước lúc ấy chưa được kết nối với ống dẫn nước chính có thể nhận dịch vụ cấp nước sinh hoạt thông qua ống dẫn nước chính đó một khi phí dịch vụ lắp đặt ống kết nối được quy định trong Đoạn 14.12.100 đến 14.12.230 của bộ luật này đã được thanh toán, và một khi phí hoàn trả cho ống dẫn nước chính được quy định trong phân đoạn (2) của đoạn này đã được thanh toán.

(1) Tính Toán Phí Hoàn Trả. Khi người nộp đơn bắt buộc phải thanh toán phí hoàn trả cho ống dẫn nước chính, số tiền ấy sẽ là một phần phí tổn xây dựng ống dẫn nước chính tương đương với phần của vùng muốn được kết nối là của toàn bộ vùng đất được xác định bởi kỹ sư thành phố và người quản lý thành phố sẽ được hưởng lợi bởi việc xây dựng ống dẫn nước chính đó. "Phí tổn xây dựng" như được sử dụng ở đây sẽ bao gồm toàn bộ nhân công, vật liệu, dịch vụ, kỹ thuật và các phí tổn phụ khác bao gồm tổng chi phí nhưng không bao gồm tiền lãi dồn tích sau đó, tất cả các số tiền đều

được định đoạt bởi kỹ sư thành phố và người quản lý thành phố.

(2) Xử Lý Các Phí. Các phí hoàn trả cho ống dẫn nước chính sẽ được trả cho chuyên viên tài chính và sẽ được xử lý bởi chuyên viên đó như được trình bày trong Đoạn 14.12.060(4). (Sắc lệnh 1348 § 1, 1973; bộ luật ưu tiên § 7314(B))

14.12.060 Dẫn nước từ ống dẫn nước chính-Phí tổn-Loại công trình.

Nơi nào bắt buộc phải dẫn nước từ ống dẫn nước chính để cung cấp dịch vụ nước sinh hoạt, như sau đây: nơi nào cần phải dẫn nước hơn hai mươi lăm bộ từ ống dẫn nước chính, người nộp đơn xin dịch vụ phải chịu phí tổn dẫn nước từ ống dẫn nước chính đó. Ống dẫn nước đó sẽ được lắp đặt từ ống dẫn nước chính gần nhất và có đầy đủ nước đã có sẵn cho toàn bộ chiều dài của phần đường phố đó hoặc hành lang tuyến ống nằm trước mặt hoặc tiếp giáp cơ ngơi đó.

Các ống nước dùng để dẫn nước từ ống dẫn nước chính sẽ được làm bằng ống nước gang dèo, hoặc ống nước tương đương đã được phê chuẩn bởi kỹ sư thành phố, có đủ khả năng đáp ứng các điều kiện cho ống dẫn nước chính để phân phối nước trong khu vực đó để được sử dụng ngay lập tức hoặc sau cùng cho việc ấy như được định đoạt bởi kỹ sư thành phố và người quản lý thành phố chiếu theo các điều kiện điều hành hệ thống nước sinh hoạt hữu hiệu.

(1) Đơn xin-Tiền đặt cọc-Các phí.

(a) Một khi nhận được đơn xin dẫn nước từ ống dẫn nước chính để cung cấp nước sinh hoạt cho cơ ngơi không có sẵn ống dẫn nước chính, và số tiền đặt cọc mà người quản lý thành phố và kỹ sư thành phố ước tính là đủ để trả cho phí tổn của việc ấy, thì người quản lý thành phố và kỹ sư thành phố sẽ khiến việc dẫn nước từ ống dẫn nước chính được thực hiện. Đơn xin sẽ mô tả cơ ngơi sẽ được hưởng lợi từ việc dẫn nước từ ống dẫn nước chính đó. Người nộp đơn có thể đồng ý ký giấy khế ước cho bản thân, theo phương pháp và phương tiện được phê chuẩn bởi luật sư thành phố, để lắp đặt ống dẫn nước đó theo đúng kế hoạch được phê chuẩn bởi thành phố.

(b) Một khi hoàn tất ống dẫn nước đó và xác định phí tổn thực tế của việc ấy, bất kỳ phần còn lại nào của tiền đặt cọc sau khi khấu trừ phí tổn ấy sẽ được trả lại. Trong trường hợp tiền đặt cọc không đủ, người nộp đơn sẽ phải trả cho thành phố số tiền còn thiếu.

(c) Các phí lắp đặt dịch vụ kết nối nước sinh hoạt được quy định trong Đoạn 14.12.100 đến 14.12.230 của bộ luật này sẽ được thêm vào số tiền cần phải trả trong đoạn này.

(2) Hoàn Trả Phí Tổn Xây Dựng Khi Người Nộp Đơn Sử Dụng Nguồn Vốn Tư Nhân. Nếu ống dẫn nước từ ống dẫn nước chính được hoặc đã được lắp đặt sau ngày 1 tháng Chín năm 1958, mà thành phố không phải chịu phí tổn nào từ quỹ chung, quỹ điều hành nước thành phố, hoặc từ tiền từ việc ban hành công khố phiếu được cho phép, thông qua cuộc biểu quyết, vì sự lợi ích của một cơ ngơi nhất định, phí hoàn trả cho ống dẫn nước chính sau đó mà thành phố tiếp nhận, trong vòng mười lăm năm từ ngày lắp đặt xong ống dẫn nước ấy, đối với các phần kết nối sau đó từ tất cả các cơ ngơi khác trong vùng được hưởng lợi, sẽ được hoàn trả cho người đã trả tiền cho ống dẫn nước từ ống dẫn nước chính ấy hoặc trả cho những người thừa kế của người đó hoặc những người được chỉ định; miễn là số tiền hoàn trả đó sẽ không cao hơn phí tổn thực tế của công trình lắp đặt ống dẫn nước ấy trừ ra số tiền bắt buộc phải trả dưới đây, là phí hoàn trả cho ống dẫn nước chính để cung cấp dịch vụ cho cơ ngơi mà lúc ban đầu vì cơ ngơi đó mà đã lắp đặt ống dẫn nước từ ống dẫn nước chính.

(3) Xác Định Phí Tổn. "Phí tổn" như được sử dụng ở đây sẽ bao gồm toàn bộ nhân công, vật liệu, dịch vụ, kỹ thuật và các phí tổn phụ khác bao gồm tổng chi phí nhưng không bao gồm tiền lãi dồn tích sau đó, tất cả số tiền đều được định đoạt bởi kỹ sư thành phố và người quản lý thành phố.

(4) Bồn Phận Của Chuyên Viên Tài Chính. Tất cả khoản thu từ các phí hoàn trả cho ống dẫn nước chính sẽ được chỉ định bởi chuyên viên tài chính là phải trả cho thành phố hoặc hoàn trả cho tư nhân có quyền hưởng như được quy định ở đây. Tất cả khoản thu phải trả cho thành phố ấy sẽ được đưa vào quỹ điều hành nước sinh hoạt. Tất cả khoản thu có thể hoàn trả cho tư nhân sẽ được đưa vào quỹ ủy thác và sẽ được chuyên viên tài chính trả cho người hoặc những người có quyền hưởng nhưng không ít hơn hai lần một năm. (Sắc lệnh 1970 § 3, 2000; bộ luật ưu tiên § 73 I 4(C))

14.12.070 Phí lắp đặt thêm nguồn cấp.

Khi nộp đơn xin dẫn nước từ ống dẫn nước chính ở quy mô lớn, người nộp đơn, ngoài các phí khác được quy định ở đây, có thể bị buộc phải trả "phí lắp đặt thêm nguồn cấp". Thành phố sẽ tính thêm phí đó nếu người nộp đơn cần phải mở rộng hệ thống nước giếng hiện tồn, bể chứa nước, trạm tăng áp, hoặc ống truyền tải nước chính để đáp ứng nhu cầu tốc độ chảy của nguồn nước và nước dùng để chữa cháy. Sự cần thiết mở rộng và phí phải trả sẽ được định đoạt bởi kỹ sư thành phố, tùy thuộc vào sự khiêu nại trong Chương 1.10. Phí ấy sẽ bao gồm toàn bộ nhân công, vật liệu, dịch vụ, kỹ

thuật, hành chính, và các phí tổn phụ khác của công trình mở rộng và sẽ được đưa vào quỹ điều hành nước sinh hoạt. (Sắc lệnh 2132 § 1, 2016; Sắc lệnh 1498 § 1, 1979; Sắc lệnh 1348 § 2, 1973; bộ luật ưu tiên § 7314(0))

14.12.080 Thiết bị bơm, thiết bị dành cho hồ chứa nước-Lắp đặt.

(a) Nơi nào mà cần phải dẫn nước từ ống dẫn nước chính để cung cấp nước cho một cơ ngơi trong một phân khu mới, thì sẽ áp dụng các quy định của Đoạn 14.12.060 và 14.12.070. Nếu đã có ống dẫn nước chính mà từ đó một cơ ngơi như vậy hoặc bất kỳ phần nào từ đó có thể được cấp nước sinh hoạt, thì phí hoàn trả cho ống dẫn nước chính như được quy định bởi Đoạn 14.12.050 và 14.12.070 sẽ được trả bởi người phân chia khu đất.

(b) Nơi nào cần lắp đặt thiết bị bơm và thiết bị dành cho hồ chứa nước để thiết lập và duy trì đầy đủ áp suất nước cho các phân khu mới, như được định đoạt bởi kỹ sư thành phố và người quản lý thành phố, người nộp đơn sẽ chuyển nhượng cho thành phố bằng chứng thư những nơi cố định cho các thiết bị đó và chi trả phí tổn của công trình cung cấp và lắp đặt thiết bị và phụ tùng đó khi cần thiết để kết nối những thiết bị và phụ tùng đó để dẫn nước từ ống dẫn nước chính.

(c) Nếu người nộp đơn không thể nào cung cấp những nơi cố định đó và cho đến khi người đó có thể làm vậy, người đó sẽ cung cấp, mà thành phố không phải chịu phí tổn nào, một hồ chứa nước tạm thời, bộ tăng áp, hoặc đồ phụ tùng khác và những nơi tạm thời, cùng với sự đảm bảo đầy đủ và khế ước cho công trình lắp đặt cố định.

(d) Nơi nào cần lắp đặt thiết bị bơm và thiết bị dành cho hồ chứa nước để thiết lập và duy trì đầy đủ áp suất nước cho các phân khu mới, như được định đoạt bởi kỹ sư thành phố và người quản lý thành phố, người nộp đơn sẽ tài trợ cho công trình đó và sau đó có quyền được hoàn trả bằng biện pháp được trình bày trong Đoạn 14.12.060 và 14.12.070 khi nào các thiết bị được lắp đặt đó sẽ cấp nước sinh hoạt cho một khu vực lớn hơn phạm vi phân khu được đệ trình. (Bộ luật ưu tiên § 7314(E))

14.12.100 Nước sinh hoạt có đồng hồ đo nước-Trong thành phố.

(a) Khi tính phí cho nước sinh hoạt, thành phố sẽ không tính tiền cho lượng nước dùng ít hơn một trăm bộ khối mỗi chu kỳ hóa đơn. Bình thường đồng hồ đo nước sẽ được kiểm tra mỗi ba mươi ngày một lần ngoại trừ những ngày lễ và những ngày cuối tuần. Số ghi trên đồng hồ đo nước cũng có thể được ghi ra vì bất kỳ mục đích hợp lý nào, theo sự định đoạt của vị giám đốc hoặc người được chỉ định bao gồm, nhưng không giới hạn, sự thay đổi khách hàng hoặc sự thay đổi kích thước đồng hồ đo nước. Nếu không thể xem số ghi của một đồng hồ đo nước hoặc nếu một đồng hồ đo nước không thể ghi nhận hoặc ghi nhận không đúng, lượng nước sử dụng sẽ được ước tính dựa trên mức sử dụng trung bình tại cơ ngơi đó hoặc tại một cơ ngơi rất giống cơ ngơi đó trong một khoảng thời gian tương tự.

(b) Sự tính toán phần giá cố định của bất kỳ phí dịch vụ hàng tháng nào trong một thời gian ít hơn một chu kỳ hóa đơn sẽ được dựa trên giá nước mỗi ngày. Giá nước mỗi ngày sẽ được định đoạt bằng cách dùng giá nước mỗi tháng và chia cho ba mươi. Giá nước mỗi ngày sẽ được tính đến bốn chữ số lẻ thập phân. Nếu một khách hàng ngưng dịch vụ và đóng tài khoản của khách hàng, phí dịch vụ sẽ được tính dựa theo giá nước mỗi ngày từ ngày lập hóa đơn cuối cùng cho đến ngày đóng tài khoản. Phí dịch vụ sẽ được tính cho một khách hàng mới bắt đầu vào ngày mở tài khoản. Thành phố sẽ không chia giá nước theo tỷ lệ cho dịch vụ tiện ích ngắn hạn khi dịch vụ đó đòi hỏi dịch vụ được cung cấp ít hơn hai tháng. Các khách hàng này sẽ được tính phí cho hai tháng sử dụng dịch vụ. (Sắc lệnh 2175 § 2, 2020; Sắc lệnh 1849 § 4, 1993; Sắc lệnh 1821 § 1, 1991; Sắc lệnh 1810 § 1, 1990; Sắc lệnh 1784 § 1, 1989; Sắc lệnh 1737 § 1, 1988; Sắc lệnh 1639 § 2, 1985; Sắc lệnh 1621 § 1, 1984; Sắc lệnh 1537 § 1, 1980; Sắc lệnh 1502 § 1, 1979; Sắc lệnh 1446 § 1, 1977; Sắc lệnh 1394 § 1, 1975; Sắc lệnh 1342 § 1, 1973; Sắc lệnh 1192 § 2, 1967; bộ luật ưu tiên § 7315)

14.12.110 Công trình lắp đặt-Trong thành phố.

Đối với công trình lắp đặt dịch vụ cấp nước sinh hoạt, hoặc khuếch trương bất cứ dịch vụ nào, thành phố sẽ tính phí cho phí tổn vật liệu và nhân công; và thêm vào đó, thành phố sẽ tính thêm ba mươi phần trăm phí vật liệu và nhân công cho việc giám sát và tổng chi phí. Lúc nộp đơn người nộp đơn sẽ trả bảy mươi lăm phần trăm tổng phí tổn ước tính; số tiền còn lại sẽ được thanh toán trong vòng mười ngày sau khi hoàn tất công trình lắp đặt. (Sắc lệnh 1502 § 1, 1979; Sắc lệnh 1446 § 1, 1977; Sắc lệnh 1394 § 1, 1975; Sắc lệnh 1192 § 2, 1967; bộ luật ưu tiên § 7316)

14.12.115 Lệ phí tác động vì dịch vụ cấp nước sinh hoạt có đồng hồ đo nước.

(a) Ngoài bất kỳ khoản tiền đặt cọc nào và phí đã định bởi nghị quyết của hội đồng thành phố theo đúng chương này, người nộp đơn sẽ trả lệ phí tác động vì dịch vụ cấp nước sinh hoạt có đồng hồ đo nước cho việc sử dụng đồng hồ đo nước trước khi những đồng hồ đo nước này được lắp đặt dựa theo số tiền đã định bởi nghị quyết của hội đồng thành phố.

(b) Nếu một dịch vụ được khuếch trương, phí phải trả cho đồng hồ đo nước sẽ được giảm theo số tiền đã được thanh toán trước đó trong đoạn này. (Sắc lệnh 1849 § 5, 1993; Sắc lệnh 1821 § 1, 1991; Sắc lệnh 1810 § 1, 1990; Sắc lệnh 1784 § 1, 1989; Sắc lệnh 1736 § 1, 1988; Sắc lệnh 1639 § 4, 1985; Sắc lệnh 1626 § 1, 1984).

14.12.120 Nước sinh hoạt có đồng hồ đo nước-Bên ngoài thành phố.

(a) Giá cả và phí đối với nước sinh hoạt có đồng hồ đo nước bán bên ngoài ranh giới thành phố cho tất cả biện pháp sử dụng sẽ như đã định bởi nghị quyết của hội đồng thành phố.

(b) Nơi nào mà thời gian sử dụng dịch vụ là dưới một tháng, thành phố sẽ tính phí theo tỷ lệ dựa trên giá nước mỗi ngày, hoặc dựa trên giá nước mỗi tháng đã định bởi nghị quyết của hội đồng thành phố, tùy theo giá nào thấp hơn. (Sắc lệnh 1849 § 5, 1993; Sắc lệnh 1821 § 1, 1991; Sắc lệnh 1810 § 1, 1990; Sắc lệnh 1784 § 1, 1989; Sắc lệnh 1737 § 1, 1988; Sắc lệnh 1639 § 3, 1985; Sắc lệnh 1621 § 1, 1984; Sắc lệnh 1537 § 1, 1980; Sắc lệnh 1502 § 1, 1979; Sắc lệnh 1446 § I, 1977; Sắc lệnh 1394 § 1, 1975; bộ luật ưu tiên § 7317)

14.12.130 Công trình lắp đặt-Bên ngoài thành phố.

Đối với công trình lắp đặt dịch vụ cấp nước sinh hoạt, thành phố sẽ tính phí cho phí tổn vật liệu và nhân công; và thêm vào đó, thành phố sẽ tính thêm ba mươi phần trăm phí vật liệu và nhân công cho việc giám sát và tổng chi phí. Lúc nộp đơn người nộp đơn sẽ trả bảy mươi lăm phần trăm tổng phí đã định. (Sắc lệnh 1502 § 1, 1979; Sắc lệnh 1446 § 1, 1977; Sắc lệnh 1394 § 1, 1975; Sắc lệnh 1192 § 2, 1967; bộ luật ưu tiên § 7318)

14.12.140 Trụ nước chữa cháy-Giấy phép sử dụng.

Không người nào được lấy nước sinh hoạt hoặc sử dụng nước sinh hoạt từ bất kỳ trụ nước chữa cháy nào của thành phố, ống đứng hoặc ống dẫn nước chính ngoại trừ thông qua đồng hồ đo nước:

(a) Giấy phép và đồng hồ đo nước cho việc sử dụng nước sinh hoạt thông qua các trụ nước chữa cháy sẽ được ban hành bởi sở nước một khi nhận được phí lắp đặt đồng hồ đo nước và tiền đặt cọc, như đã định bởi nghị quyết của hội đồng thành phố, để trả cho phí tổn sử dụng nước sinh hoạt và bất kỳ sự hư hại nào đối với thiết bị hoặc cơ sở của thành phố do việc sử dụng trụ nước chữa cháy.

(b) Giá nước sẽ là tương đương với giá nước cho gia cư.

(c) Giấy phép sẽ được đặt ở công trường nơi nước được hút lên và sẽ có sẵn để nhân viên thành phố có thể kiểm tra.

(d) Nếu sử dụng xe tưới nước, số đăng ký xe và số thiết bị sẽ xuất hiện trên giấy phép. Nếu sử dụng nhiều hơn một chiếc xe tưới nước, mỗi chiếc xe sẽ được cấp một giấy phép và chỉ có hiệu lực cho chiếc xe đó thôi và sẽ hết hạn khi trả lại đồng hồ đo nước cho thành phố.

(e) Tất cả các đồng hồ đo nước phải được trả lại sau khi hoàn tất công trình được chỉ định trên giấy phép. (Sắc lệnh 1970 § 4, 2000; Sắc lệnh 1498 § 1, 1979; bộ luật ưu tiên § 7319)

14.12.160 Phí dịch vụ chữa cháy.

(a) Dịch vụ chữa cháy cho nhà ở cho một và hai gia đình và nhà lắp ghép có thể được kết hợp với dịch vụ đồng hồ đo nước dành cho nhà ở. Các công trình lắp đặt này sẽ đáp ứng các điều kiện và tiêu chuẩn của hệ thống nước và sơ cứu hỏa của thành phố Monterey Park.

(b) Tất cả các dịch vụ chữa cháy khác sẽ được trang bị với thiết bị kiểm tra bộ phát hiện cùng với đồng hồ đo nước kèm theo van kiểm tra có kích thước thích hợp. Các dịch vụ chữa cháy này là sẽ được lắp đặt riêng, và sẽ không được kết nối liên thông với dịch vụ dành cho nhà ở, và sẽ là hai inch hoặc lớn hơn.

(c) Phí dịch vụ hàng tháng cho các dịch vụ chữa cháy và kích thước đồng hồ đo nước cho mỗi dịch vụ, trong hoặc

bên ngoài phạm vi thành phố, sẽ được định bởi nghị quyết của hội đồng thành phố. (Sắc lệnh 1970 § 4, 2000; Sắc lệnh 1849 § 6, 1993; Sắc lệnh 1821 § 1, 1991; Sắc lệnh 1810 § 1, 1990; Sắc lệnh 1784 § 1, 1989; Sắc lệnh 1737 § 1, 1988; Sắc lệnh 1639 § 5, 1985; Sắc lệnh 1621 § 1, 1984; Sắc lệnh 1537 § 1, 1980; Sắc lệnh 1502 § 1, 1979; Sắc lệnh 1446 § 1, 1977; Sắc lệnh 1394 § 1, 1975; Sắc lệnh 1192 § 2, 1967; bộ luật ưu tiên § 7321)

14.12.162 Kết hợp dịch vụ dành cho nhà ở-Phí dịch vụ vòi phun nước chống cháy hàng tháng.

(a) Bất kỳ dịch vụ cấp nước sinh hoạt nào thông qua đồng hồ đo nước cỡ một inch được dùng cho vòi phun nước chống cháy/hệ thống nước gia cư cho khu phát triển dành cho dân cư hoặc nhà lắp ghép có dưới hai căn nhà trên một lô đất sẽ phải trả phí dịch vụ hàng tháng tương đương với nơi có đồng hồ đo nước cỡ ba phần tư inch mà không kết hợp với hệ thống dịch vụ chữa cháy.

(b) Bất kỳ dịch vụ cấp nước sinh hoạt nào thông qua đồng hồ đo nước cỡ một inch được dùng cho vòi phun nước chống cháy/hệ thống nước gia cư cho khu phát triển dành cho dân cư hoặc nhà lắp ghép có dưới hai căn nhà trên một lô đất sẽ phải trả phí dịch vụ hàng tháng tương đương với nơi có đồng hồ đo nước cỡ một inch mà không kết hợp với hệ thống dịch vụ chữa cháy. (Sắc lệnh 1970 § 4, 2000)

14.12.165 Lệ phí tác động dành cho dịch vụ chữa cháy.

(a) Ngoài bất kỳ khoản tiền đặt cọc và phí đã định trong chương này, lệ phí tác động dành cho dịch vụ chữa cháy sẽ được tính dựa theo số tiền đã định bởi nghị quyết của hội đồng thành phố.

(1) Bất kỳ dịch vụ cấp nước sinh hoạt nào thông qua đồng hồ đo nước cỡ một inch được dùng cho vòi phun nước chống cháy/hệ thống nước gia cư cho khu phát triển dành cho dân cư hoặc nhà lắp ghép có dưới hai căn nhà trên một lô đất sẽ phải trả lệ phí tác động dành cho dịch vụ chữa cháy tương đương với nơi có đồng hồ đo nước cỡ ba phần tư inch mà không kết hợp với hệ thống dịch vụ chữa cháy.

(2) Bất kỳ dịch vụ cấp nước sinh hoạt nào thông qua đồng hồ đo nước cỡ một inch rưỡi được dùng cho vòi phun nước chống cháy/hệ thống nước gia cư cho khu phát triển dành cho dân cư hoặc nhà lắp ghép có dưới hai căn nhà trên một lô đất sẽ phải trả lệ phí tác động dành cho dịch vụ chữa cháy tương đương với nơi có đồng hồ đo nước cỡ một inch mà không kết hợp với hệ thống dịch vụ chữa cháy. (Sắc lệnh 1970 § 4, 2000; Sắc lệnh 1849 § 6, 1993; Sắc lệnh 1821 § 1, 1991; Sắc lệnh 1784 § 1, 1989; Sắc lệnh 1736 § 1, 1988; Sắc lệnh 1639 § 6, 1985; Sắc lệnh 1626 § 1, 1984)

14.12.170 Mua nước sinh hoạt.

Giá nước, cho tất cả mọi công dùng trong những khu vực thành phố mà thành phố không có sẵn dịch vụ cho nơi đó và thành phố phải mua nước sinh hoạt từ một công ty khác, giá nước sẽ tương đương với mức giá mà thành phố đã mua từ công ty đó. (Bộ luật ưu tiên § 7322)

14.12.180 Phí tính thêm.

Nơi nào có nhiều hơn một căn nhà, căn phòng, cửa hàng, văn phòng, hoặc phòng bổ sung tương tự được kết nối với một đồng hồ đo nước, mỗi căn bổ sung như vậy sẽ được tính phí dịch vụ cấp nước sinh hoạt dựa theo mức giá đã định bởi nghị quyết của hội đồng thành phố và sẽ được gọi là phí tính thêm. (Sắc lệnh 1849 § 7, 1993; Sắc lệnh 1821 § 1, 1991; Sắc lệnh 1810 § 1, 1990; Sắc lệnh 1784 § 1, 1989; Sắc lệnh 1737 § 1, 1988; Sắc lệnh 1621 § 1, 1984; Sắc lệnh 1537 § 1, 1980; Sắc lệnh 1502 § 1, 1979; Sắc lệnh 1446 § 1, 1977; Sắc lệnh 1394 § 1, 1975; Sắc lệnh 1342 § 1, 1973; Sắc lệnh 1192 § 2, 1967; bộ luật ưu tiên § 7323)

14.12.185 Giá nước mưu sinh.

(a) Hàng năm hội đồng thành phố có thể đưa ra quyết định thông qua nghị quyết về việc thành phố có nên có sẵn giá mưu sinh cho những khách hàng nước gia cư hội đủ điều kiện để được giảm giá theo đúng đoạn này hay không. Không có điều gì trong đoạn này tạo ra, hoặc có ý định tạo ra, quyền sở hữu giá mưu sinh đối với những người hội đủ điều kiện như được mô tả trong đoạn này. Thay vào đó, việc định giá mưu sinh là sự quyết định tùy ứng hàng năm của hội đồng thành phố phụ thuộc vào, cùng với những thứ khác, thu nhập tiền lãi dự kiến sẽ có được từ quỹ điều hành nước sinh hoạt của thành phố.

(b) Các khách hàng đáp ứng được các tiêu chuẩn trong đoạn này có thể, nhưng không bắt buộc, trả mức giá chiết khấu tương đương với mức giá và phí gia cư hàng tháng được định bởi chương này trừ ra số tiền cố định theo sự định đoạt của nghị quyết của hội đồng thành phố. Khi thông qua nghị quyết để xác định số tiền cố định, hội đồng thành phố nên cân nhắc những điều sau đây:

- (1) Thu nhập tiền lãi được dự tính bởi ngân sách thành phố đối với quỹ điều hành nước sinh hoạt của thành phố;
 - (2) Số lượng khách hàng đủ điều kiện để trả mức giá chiết khấu được định bởi đoạn này; và
 - (3) Giá nước cho nhà ở và các phí đã được định bởi chương này.
- (c) Để hội đủ điều kiện, khách hàng nước gia cư phải đáp ứng các tiêu chí sau đây:

(1) Phải là ít nhất sáu mươi hai tuổi;

(2) Chứng minh rằng họ là người ốm yếu tàn tật, chẳng hạn như khách hàng không thể tham gia vào bất kỳ hoạt động nào có lợi đáng kể do sự suy yếu về thể chất và tinh thần có thể xác định được về phương diện y tế;

(3) Chứng minh rằng tổng thu nhập đã được điều chỉnh của tất cả các thành viên trong gia đình cộng lại (và khách hàng sống với những người này) là dưới con số có hiệu lực vào trước ngày đầu tiên của tháng Tư là giới hạn "thu nhập rất thấp" đối với một gia đình có hai người sống trong thành phố Monterey Park dựa theo Mục 8 của chương trình nhà ở thuộc Đạo Luật Gia Cư Hoa Kỳ ban hành vào năm 1937, như được tu chính, và công bố bởi Bộ Gia Cư Và Phát Triển Đô Thị Hoa Kỳ. Mỗi năm tài chính, giám đốc dịch vụ quản lý, hoặc người được chỉ định, được chỉ thị đưa ra quyết định, và sử dụng giới hạn tổng thu nhập đã được điều chỉnh của năm trước đó, con số có hiệu lực vào trước ngày đầu tiên của tháng Tư là giới hạn "thu nhập rất thấp" đối với một gia đình có hai người sống trong thành phố Monterey Park dựa theo Mục 8 của chương trình nhà ở thuộc Đạo Luật Gia Cư Hoa Kỳ ban hành vào năm 1937, như được tu chính, và công bố bởi Bộ Gia Cư Và Phát Triển Đô Thị Hoa Kỳ; hoặc

(4) Là người hội đủ tiêu chuẩn tham gia chương trình Giá Điện Thay Thế California (California Alternate Rates for Energy, hoặc "CARE") được định bởi Mục 739.1 và 739.2 của Bộ Luật Tiện Ích Công Cộng như được định đoạt bởi những quyết định gần đây nhất của Ủy Ban Tiện Ích Công Cộng California; hoặc chương trình Dịch Vụ Điện Thoại Phổ Thông California (California Universal Telephone Service, hoặc "LifeLine") được lập ra để tuân thủ Mục 871 và những phần sau đó của Bộ Luật Tiện Ích Công Cộng.

(d) Các đơn xin giá mưu sinh phải được trình lên cho giám đốc dịch vụ quản lý, hoặc người được chỉ định. Giám đốc dịch vụ quản lý có thể đòi hỏi thêm bằng chứng khi cần thiết hoặc thích hợp trong lúc xử lý đơn xin. Chỉ cho phép một người từ mỗi hộ gia đình. Thành phố, tại bất kỳ lúc nào, có thể đòi hỏi một người cung cấp bằng chứng cho thấy người đó vẫn còn đủ điều kiện.

(e) Giá mưu sinh sẽ xuất hiện vào chu kỳ lập hóa đơn tiếp theo sau ngày phê chuẩn. (Sắc lệnh 2174 § I, 2020; Sắc lệnh 1849 § 7, 1993; Sắc lệnh 1821 § 1, 1991)

14.12.190 Đồng hồ đo nước ghi nhận không đúng.

Nếu, trong bất kỳ khoảng thời gian nào, một đồng hồ đo nước không ghi nhận hoặc được biết là ghi nhận không đúng, người tiêu dùng sẽ được tính giá tối thiểu đối với đồng hồ đo nước đó trong khoảng thời gian mà đồng hồ đo nước đó không ghi nhận hoặc ghi nhận không đúng. (Bộ luật ưu tiên § 7324)

14.12.200 Nhà bỏ trống.

Trong trường hợp một căn nhà, hoặc tòa nhà khác hoặc một phần của một tòa nhà, được cung cấp nước sinh hoạt bị bỏ trống, thành phố sẽ tính giá thông thường và thu tiền từ người chủ cho dù họ có sử dụng nước hay không, trừ phi sở nước được thông báo về việc bỏ trống nhà bằng văn bản, yêu cầu sở nước ngưng dịch vụ cho nơi đó. (Bộ luật ưu tiên § 7325)

14.12.210 Tranh chấp về giá cả-Điều tra bởi giám đốc.

(a) Giám đốc dịch vụ quản lý có thể giải quyết những lời phàn nàn, và trong trường hợp có tranh chấp về giá nước mà bất kỳ khách hàng nào cũng phải trả, vị giám đốc cũng sẽ định đoạt, tùy thuộc vào sự phê chuẩn của hội đồng thành phố.

(b) Vị giám đốc sẽ xem xét lại tài khoản của khách hàng đang tranh chấp các phí trong vòng ba mươi ngày sau khi nhận được hóa đơn hoặc yêu cầu. Vì các mục đích của đoạn này, một hóa đơn sẽ được coi như là đã được nhận bởi khách

hàng sau năm ngày hóa đơn được gửi qua đường bưu điện. Cuộc tranh chấp hoặc yêu cầu điều tra kịp thời sẽ được cứu xét bởi vị giám đốc, hoặc người được chỉ định, rồi vị giám đốc sẽ đưa ra quyết định bằng văn bản cho khách hàng.

(c) Nếu sau khi cứu xét và vị giám đốc phát hiện hóa đơn có lỗi, thành phố sẽ chỉnh sửa ngay lập tức lỗi đó và, nếu bắt buộc và tùy theo quyền quyết định của thành phố, tài khoản của khách hàng sẽ được ghi có tiền hoặc hoàn trả tiền cho khách hàng, trừ phi khách hàng yêu cầu thành phố dàn xếp những biện pháp khác và đã được phê chuẩn bởi vị giám đốc, hoặc người được chỉ định. Thời gian tối đa để điều chỉnh hóa đơn trong quá khứ là mười hai tháng trước ngày thành phố được thông báo bằng văn bản về lỗi đó, theo hình thức và phương pháp được quy định bởi vị giám đốc, hoặc người chỉ định.

(d) Bất kỳ khách hàng nào đưa ra yêu cầu điều tra kịp thời theo đúng đoạn này dẫn đến việc đưa ra quyết định trái với ý muốn của khách hàng thì khách hàng có thể khiếu nại với người quản lý thành phố bằng cách nộp khiếu nại bằng văn bản với lục sự thành phố trong vòng mười ngày từ ngày thành phố gửi quyết định của thành phố qua đường bưu điện. Khách hàng có thể khiếu nại với hội đồng thành phố về quyết định của người quản lý thành phố. (Sắc lệnh 2175 § 3, 2020; Sắc lệnh 1498 § 1, 1979; bộ luật ưu tiên § 7326)

14.12.220 Tài sản bị hư hại.

Nơi mà trụ nước chữa cháy, đồng hồ đo nước, ống nước, hoặc các thiết bị cố định khác, bất cứ cái nào là tài sản của thành phố, bị gãy hoặc hư hại, thì tổng phí tổn của hư hại đó và nhân công, ngoài việc bị mất nước, sẽ được thanh toán bởi người chịu trách nhiệm cho sự hư hại và mất nước đó. Phí tính cho lượng nước bị mất đó sẽ là mức giá đã được định bởi nghị quyết của hội đồng thành phố. (Sắc lệnh 1849 § 8, 1993; Sắc lệnh 1821 § 1, 1991; Sắc lệnh 1810 § 1, 1990; Sắc lệnh 1784 § 1, 1989; Sắc lệnh 1737 § 1, 1988; Sắc lệnh 1621 § 1, 1984; Sắc lệnh 1537 § 1, 1980; Sắc lệnh 1502 § 1, 1979; Sắc lệnh 1446 § 1, 1977; Sắc lệnh 1394 § 1, 1975; bộ luật ưu tiên § 7327)

14.12.230 Phí tổn không cần thiết cho thành phố.

Nơi mà công trình xây dựng cần có nước sinh hoạt và đồng hồ đo nước có khả năng sẽ bị hư hại, do đó mà gây ra phí tổn không cần thiết cho thành phố, thì người nộp đơn không cần lắp đặt đồng hồ đo nước và phí tính cho nước sinh hoạt sẽ ở mức tối thiểu đối với dịch vụ thuộc cỡ đó. Khi công trình được hoàn tất và đồng hồ đo nước có kích thước thích hợp sẽ được lắp đặt và phí tính cho việc đó sẽ là phí được định rõ đối với các dịch vụ có đồng hồ đo nước. (Bộ luật ưu tiên § 7328)

14.12.240 Lập hóa đơn-Trễ hạn thanh toán-Cúp nước.

(a) Sở nước sẽ lập hóa đơn hàng tháng hoặc mỗi tháng hai lần cho tất cả các phí dưới đây. Những hóa đơn đó có thể được lập cùng với hóa đơn thu gom chất thải rắn như được quy định trong Đoạn 6.08.040 của bộ luật này.

(b) Các hóa đơn được lập ra phải được trả và thanh toán tại Tòa Thị Chính vào ngày được lập ra, và bất kỳ số tiền nào trong hóa đơn chưa được thanh toán trong vòng ba mươi ngày sau ngày lập hóa đơn là đã trễ hạn thanh toán. Nếu thành phố nhận được tiền sau ngày trễ hạn thanh toán, khách hàng phải trả thêm mười đồng hoặc mười phần trăm của hóa đơn đã quá hạn thanh toán đầu tiên, tùy theo số tiền nào thấp hơn, ngoài số tiền trong (các) hóa đơn, trừ phi khách hàng đã tham gia kế hoạch trả lại tiền được cho phép bởi vị giám đốc, hoặc người được chỉ định.

(c) Khi hóa đơn đã trễ hạn thanh toán, giấy thông báo không trả đúng kỳ hạn và một bản sao của chương này phải được trao cho (các) khách hàng đứng tên tài khoản chiếu theo điều kiện thông báo và dịch vụ được vạch ra trong chương này.

(d) Dịch vụ sẽ ngưng nếu thành phố không nhận được tiền thanh toán sáu mươi ngày sau ngày lập hóa đơn và khách hàng chưa dàn xếp biện pháp thanh toán hóa đơn đã trễ hạn do nhu cầu hành chính. Nếu hóa đơn không được thanh toán trong thời gian đã định rõ như được xác định ở trên hoặc vì bất kỳ lý do nào liên quan đến việc không trả tiền còn thiếu trong một hóa đơn hoặc phí tính cho việc bao gồm, nhưng không giới hạn, ngân phiếu bị trả lại vì không đủ tiền, thẻ tín dụng bị từ chối hoặc một vấn đề tương tự liên quan đến việc thanh toán, thành phố sẽ tính thêm phí dịch vụ, dựa theo số tiền đã định bởi hội đồng thành phố, và khách hàng phải trả phí này cùng với việc tìm hiểu mỗi lần ngưng dịch vụ. Thành phố sẽ không ngưng dịch vụ tiện ích nào, dù là do trễ hạn thanh toán, vào ngày thứ Bảy, Chủ Nhật, ngày nghỉ pháp định, hoặc bất kỳ lúc nào mà các văn phòng kinh doanh của thành phố không mở cửa cho công chúng vào.

(e) Ngoại trừ theo quy định của Mục 10009 của Bộ Luật Tiện Ích Công Cộng, nơi dịch vụ tiện ích bị cúp, dịch vụ sẽ

không được khôi phục cho đến khi khách hàng trả toàn bộ các phí bắt buộc (bao gồm, không giới hạn, tiền trả chậm, tiền phạt, tiền đặt cọc, và phí dịch vụ). Dịch vụ chỉ được khôi phục trong giờ làm việc bình thường và chỉ sau khi thành phố nhận được tiền hoặc khách hàng đã có dàn xếp biện pháp thanh toán đặc biệt với vị giám đốc, hoặc người được chỉ định. Thành phố có thể tính phí, được định đoạt bởi nghị quyết của hội đồng thành phố, cho bất kỳ sự kết nối lại dịch vụ nào, cùng với tất cả các hóa đơn đã quá hạn thanh toán, và thành phố có thể đòi hỏi khách hàng đóng tiền đặt cọc đặc biệt để bảo đảm các hóa đơn sau này sẽ được thanh toán.

(f) Thành phố sẽ báo cáo trên trang mạng của thành phố và với Hội Đồng Kiểm Soát Nguồn Nước Sinh Hoạt Tiểu Bang số lượng ngưng dịch vụ cấp nước sinh hoạt dành cho nhà ở hàng năm do không thể trả tiền.

(g) Nơi mà dịch vụ cấp nước sinh hoạt bị ngưng vì không thanh toán hóa đơn, nếu nước sinh hoạt được mở ra hoặc cho phép mở ra bởi bất kỳ người nào, đồng hồ đo nước sẽ được khóa lại và thành phố sẽ tính phí tái kết nối, đã được định bởi nghị quyết của hội đồng thành phố, ngoài hóa đơn đã quá hạn thanh toán. Nếu khóa bị gãy và nước sinh hoạt được mở ra hoặc cho phép mở ra bởi bất kỳ người nào, đồng hồ đo nước sẽ được loại bỏ và thành phố sẽ tính phí lắp đặt lại và tái kết nối dịch vụ, dựa theo số tiền đã được định bởi nghị quyết của hội đồng thành phố, trước khi khôi phục lại dịch vụ cấp nước sinh hoạt. Khách hàng phải trả những số tiền đó ngoài hóa đơn đã quá hạn thanh toán. (Sắc lệnh 2175 § 4, 2020; Sắc lệnh 1849 § 9, 1993; Sắc lệnh 1639 § 7, 1985; Sắc lệnh 1498 § 1, 1979; Sắc lệnh 1394 § 1, 1975; bộ luật ưu tiên § 7329)

14.12.250 Cấm ngưng dịch vụ vì không trả tiền-Điều kiện.

(a) Thành phố không thể ngưng dịch vụ do không thanh toán hóa đơn của một tài khoản đã trễ hạn thanh toán vì bất kỳ trường hợp nào sau đây:

(1) Trong khi đang chờ đợi xử lý yêu cầu xin gia hạn thời gian thanh toán một hóa đơn hoặc khách hàng đang tranh chấp các phí; hoặc

(2) Khi một khách hàng được cho thêm thời gian thanh toán hóa đơn, miễn là tài khoản của khách hàng không trễ hạn thanh toán khi các phí dồn tích trong mỗi chu kỳ lập hóa đơn sau đó.

(b) Bất kỳ dịch vụ nào bị ngưng một cách không chính đáng phải được khôi phục lại mà khách hàng không phải chịu phí khôi phục dịch vụ và thành phố phải gửi thông báo về tình trạng khôi phục lại dịch vụ đó cho khách hàng qua đường bưu điện đến địa chỉ nhận hóa đơn của khách hàng. (Sắc lệnh 2175 § 5, 2020; Sắc lệnh 1970 § 4, 2000; Sắc lệnh 1639 § 8, 1985; Sắc lệnh 1394 § 1, 1975; bộ luật ưu tiên § 7330)

14.12.260 Tuân thủ có điều kiện.

Khi không tuân theo các quy tắc và điều lệ đã được quy định là điều kiện để sử dụng nước sinh hoạt, nước sinh hoạt có thể bị cúp cho bất kỳ dịch vụ nào cũng như tất cả các dịch vụ mà người tiêu dùng được cung cấp nước sinh hoạt, chiếu theo sự tuân thủ quy trình thông báo sau đây. Thông báo không tuân thủ (các) quy tắc và/hoặc (các) điều lệ định rõ đã được quy định là điều kiện để sử dụng nước sinh hoạt phải được trao cho người hoặc những người chịu trách nhiệm trả tiền mà người đó sẽ được thông báo rằng dịch vụ cấp nước sinh hoạt có thể bị ngưng trừ phi, trong vòng mười ngày được thông báo ấy, mỗi một điều được chỉ rõ là người tiêu dùng đã không tuân theo đã được sửa lại theo đúng các quy tắc và/hoặc các điều lệ. Dịch vụ cấp nước sinh hoạt có thể bị ngưng mà thành phố không thông báo thêm khi người tiêu dùng không sửa lại cho đúng bất kỳ điều nào đã được chỉ rõ là người tiêu dùng đã không tuân theo. Khi dịch vụ bị ngưng, người hoặc những người chịu trách nhiệm sẽ phải chịu phí tái kết nối dịch vụ đặc biệt, ngoài phí tái kết nối dịch vụ bình thường, dựa theo số tiền đã định bởi nghị quyết của hội đồng thành phố. Nếu khóa bị gãy và nước sinh hoạt được mở ra hoặc cho phép được mở ra bởi người chủ hoặc người tiêu dùng, đồng hồ đo nước sẽ được loại bỏ và người tiêu dùng sẽ phải chịu thêm phí đặc biệt cho công trình lắp đặt lại và kết nối lại, ngoài phí kết nối dịch vụ thông thường, dựa theo số tiền đã định bởi nghị quyết của hội đồng thành phố. (Sắc lệnh 2175 § 6, 2020; Sắc lệnh 1849 § 10, 1993; bộ luật ưu tiên § 7331)

14.12.270 Trách nhiệm pháp lý đối với phí trễ hạn thanh toán.

(a) Ngoài bất kỳ biện pháp đền bù nào khác được quy định ở đây đối với tiến trình chấp hành và thu tiền cho bất kỳ giá nước nào, phí hoặc tài khoản, tất cả các phí chưa được thanh toán được quy định trong chương này là để đối phó với cơ ngơi được cung cấp nước sinh hoạt, hoặc khách hàng đứng tên tài khoản.

(b) Nếu, vì bất kỳ lý do nào, số tiền còn thiếu cho việc sử dụng nước sinh hoạt được áp đặt theo đúng chương này không trả đúng kỳ hạn, khách hàng đứng tên tài khoản sẽ chịu trách nhiệm với thành phố trong một hành động

khấu kiện của thành phố ở tại bất kỳ tòa án nào có quyền tài phán đối với số tiền phải trả và chưa được thanh toán, cùng với tất cả các khoản tiền phạt và các phí tổn được quy định ở đây. Chỉ dành cho các mục đích trong chương này thôi, các số tiền còn thiếu vì sử dụng dịch vụ cấp nước sinh hoạt đã trễ hạn thanh toán khi khách hàng không trả toàn bộ số tiền ấy trong vòng ba mươi ngày từ ngày lập hóa đơn và chưa ký kết một kế hoạch trả tiền lại với thành phố.

(c) Mỗi năm vào ngày 1 tháng Sáu, người quản lý thành phố, hoặc người được chỉ định, sẽ chuẩn bị một danh sách đầy đủ các phí đã trễ hạn thanh toán thích hợp với sự kết nối dịch vụ ở nơi mà người chủ cơ ngơi là khách hàng trong khoảng thời gian kết thúc vào ngày ba mươi tháng Tư mỗi năm.

(d) Thành phố sẽ thông báo cho khách hàng về các phí trễ hạn thanh toán ấy có liên quan đến khách hàng ít nhất bốn mươi lăm ngày trước buổi điều trần công khai.

(e) Hội đồng thành phố sẽ xếp lịch cho một buổi điều trần công khai có thông báo cho buổi họp thứ hai của hội đồng thành phố hàng năm vào tháng Sáu, tới lúc ấy các phí trễ hạn thanh toán cùng với các khoản tiền phạt sẽ được đưa vào danh sách giám định hiệu chỉnh cho năm tài chính bắt đầu vào ngày 1 tháng Bảy sau khi tiến hành buổi điều trần đó để thu tiền. Thông báo về buổi điều trần công khai sẽ được thực hiện chiếu theo Mục 6066 của Bộ Luật Chính Quyền.

(f) Sau đó, các phí trễ hạn thanh toán, cùng với các khoản tiền phạt, sẽ được thu cùng phương pháp ấy, bởi cùng nhóm người, và cùng một lúc, cùng với nhưng không tách biệt khỏi, thuế chung được nhóm người này thay mặt cho thành phố và các sở thuế khác thu tiền. Các quy định của phân đoạn này chỉ áp dụng cho các phí trễ hạn thanh toán khi khách hàng là chủ đất hoặc đã thực hiện thỏa thuận cho phép quyền siết giữ tài sản để thế nợ.

(g) Khoản Nợ Dân Sự. Tất cả các phí và tiền phạt được áp đặt theo đúng chương này đều là những khoản nợ dân sự phải trả cho thành phố bởi khách hàng đứng tên tài khoản phải chịu các phí và tiền phạt đó. (Sắc lệnh 2175 § 7, 2020; Sắc lệnh 1849 § I 0, 1993; bộ luật ưu tiên § 7332)

14.12.280 Thủ tục về quyền siết giữ tài sản vì lý do thuế.

Ngoài bất kỳ biện pháp đền bù khác được quy định ở đây, một khi bất kỳ số tiền nào còn thiếu kết hợp với phí thu gom chất thải rắn và nước sinh hoạt đã trễ hạn thanh toán, thành phố có thể thu tất cả các lệ phí ấy và/hoặc phí từ chủ cơ ngơi như được quy định trong Đoạn 6.08.070 của bộ luật này. (Sắc lệnh 1849 § 11, 1993)

14.12.290 Khách hàng có thu nhập thấp-Định nghĩa.

Vì các mục đích của chương này, một khách hàng "có thu nhập thấp" có nghĩa là:

(a) Một người hiện đang hưởng:

- (1) Phúc lợi của chương trình Cơ Hội Việc Làm Và Trách Nhiệm Với Trẻ Em Của Tiểu Bang California (hoặc CalWORKs) như được xác định từ Mục 11200 đến 11526.5 của Bộ Luật Phúc Lợi Và Định Chế,
- (2) CalFresh, như được xác định từ Mục 18900 đến 18928 của Bộ Luật Phúc Lợi Và Định Chế,
- (3) Phúc lợi của chương trình Trợ Cấp Tổng Quát, như được xác định từ Mục 17000 đến 17030 của Bộ Luật Phúc Lợi Và Định Chế,
- (4) Phúc lợi của chương trình Medi-Cal, như được xác định trong Mục 14131 và những phần sau đó của Bộ Luật Phúc Lợi Và Định Chế,
- (5) Phúc lợi của Chương Trình Tiền Phụ Cấp An Sinh/Tiền Trả Bổ Sung Của Tiểu Bang, như được xác định bởi Mục 12000 và những phần sau đó của Bộ Luật Phúc Lợi Và Định Chế, hoặc
- (6) Phúc lợi của chương trình Chương Trình Dinh Dưỡng Đặc Biệt Bổ Sung Của California Dành Cho Phụ Nữ, Trẻ Sơ Sinh, Và Trẻ Em, như được xác định từ Mục 123275 đến 123355 của Bộ Luật Về Sức Khỏe Và Sự An Toàn California; hoặc

(b) Một người sống trong một gia đình mà thu nhập hàng năm của gia đình đó là dưới hai trăm phần trăm mức sống nghèo khổ do liên bang ấn định. (Sắc lệnh 2175 § 8, 2020)

14.12.300 Thông báo.

(a) Thông Báo Không Trả Đúng Kỳ Hạn. Thành phố sẽ không ngưng dịch vụ do không trả tiền hóa đơn của một tài

khoản không trả đúng kỳ hạn trừ phi thành phố trước hết đã thông báo bằng lời nói hoặc bằng văn bản cho một người lớn có năng lực sống tại cơ ngơi của khách hàng tiện ích về tình trạng không trả đúng kỳ hạn và nơi đó sắp bị ngưng dịch vụ. Thành phố sẽ cho phép mỗi khách hàng ít nhất ba mươi ngày để trả tiền cho dịch vụ tiện ích từ ngày hóa đơn được gửi qua đường bưu điện. Giấy thông báo tài khoản đã trễ hạn thanh toán phải có những chi tiết sau đây:

- (1) Tên và địa chỉ của khách hàng;
- (2) Số tiền đã trễ hạn thanh toán;
- (3) Ngày phải trả tiền hoặc phải dàn xếp biện pháp thanh toán để tránh tình trạng ngưng dịch vụ tiện ích;
- (4) Thời gian và cách thức mà khách hàng có thể nộp đơn xin gia hạn thời gian thanh toán các phí không trả đúng kỳ hạn;
- (5) Thời gian và cách thức mà khách hàng có thể tranh chấp hóa đơn;
- (6) Thời gian và cách thức mà khách hàng có thể yêu cầu một kế hoạch trả tiền lại đối với các phí dịch vụ tiện ích không trả đúng kỳ hạn;
- (7) Thời gian và cách thức mà khách hàng có thể nộp đơn xin kế hoạch mưu sinh và miễn trừ người sử dụng tiện ích; và
- (8) Thông tin về biện pháp khôi phục lại dịch vụ tiện ích nếu dịch vụ bị ngưng kết nối bởi thành phố.

(b) Thông Báo Cuối Cùng Về Tình Trạng Chấm Dứt Dịch Vụ. Khi nào thành phố đưa ra quyết định rằng một khách hàng đã không tuân theo các điều khoản và điều kiện của thỏa thuận trả lại tiền, hoặc đã vi phạm chương này, thành phố sẽ tổng đạt "giấy thông báo cuối cùng về tình trạng chấm dứt dịch vụ" cho (các) khách hàng bằng cách dán giấy thông báo ấy ở một nơi nổi bật và dễ thấy tại cơ ngơi đó. Thành phố sẽ không ngưng dịch vụ mà không thông báo cho khách hàng tối thiểu năm ngày trước khi ngưng dịch vụ. Thông báo này sẽ không cho khách hàng quyền yêu cầu thành phố điều tra thêm.

- (c) Việc ban hành giấy thông báo dựa theo đoạn này không bắt buộc thành phố phải ngưng dịch vụ nước sinh hoạt cho gia cư.
- (d) Các thông báo trong đoạn này sẽ được cung cấp bằng tiếng Anh, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Hoa, tiếng Tagalog, tiếng Việt, tiếng Hàn Quốc, và bất kỳ ngôn ngữ nào khác được nói bởi tối thiểu mười phần trăm số người sống trong khu vực dịch vụ của thành phố. (Sắc lệnh 2175 § 9, 2020)

14.12.310 Tổng đạt giấy thông báo.

(a) Bất kỳ thông báo nào theo quy định của chương này sẽ được tổng đạt bởi một người đích thân đưa đến hoặc bằng thư ưu tiên, không ít hơn bảy ngày làm việc trước khi thành phố ngưng dịch vụ tiện ích do không trả tiền. Mặt khác, thành phố có thể cố gắng một cách hợp lý liên lạc với người lớn có năng lực đang sống tại cơ ngơi của khách hàng tiện ích qua điện thoại hoặc đích thân đến nói chuyện về tình trạng ngưng dịch vụ ít nhất bảy ngày trước khi ngưng dịch vụ.

(b) Nếu địa chỉ của khách hàng không phải là địa chỉ của cơ ngơi đang được cung cấp dịch vụ tiện ích, thì giấy thông báo cũng phải được gửi đến địa điểm của dịch vụ tiện ích, gửi cho "Người cư ngụ".

(c) Nếu giấy thông báo bằng văn bản bị gửi trả lại do không giao được, hoặc nếu thành phố không thể nào liên lạc qua điện thoại với khách hàng hoặc người lớn có năng lực đang sống tại nhà đó, thành phố phải dán giấy thông báo và chương này ở một nơi dễ thấy tại cơ ngơi được cung cấp dịch vụ tiện ích.

(d) Thành phố sẽ có sẵn cho các khách hàng từ sáu mươi lăm tuổi trở lên, hoặc những người lớn phải phụ thuộc vào người khác như được định nghĩa trong Mục 15610(b)(1) của Bộ Luật Phúc Lợi Và Định Chế, một dịch vụ thông báo bên thứ ba như được định rõ trong Mục 10010.1(c) của Bộ Luật Tiện Ích Công Cộng. Nếu những khách hàng ấy chỉ định một bên thứ ba, thành phố sẽ cố gắng thông báo người được chỉ định bởi khách hàng để nhận bất kỳ thông báo nào buộc phải tuân theo chương này. Khách hàng gia cư phải đưa ra yêu cầu thông báo cho bên thứ ba bằng văn bản trong một mẫu đơn được cung cấp bởi thành phố và bao gồm cả sự ưng thuận bằng văn bản của bên thứ ba đã được chỉ định. Thông báo cho bên thứ ba không bắt buộc bên thứ ba phải trả các phí đã trễ hạn thanh toán hoặc ngăn chặn hoặc trì hoãn tình trạng chấm dứt dịch vụ. (Sắc lệnh 2175 § 10, 2020)

14.12.320 Quyền khiếu nại từ giấy thông báo không trả đúng kỳ hạn.

(a) Một khách hàng có thể tranh cãi một giấy thông báo không trả đúng kỳ hạn bằng cách đệ trình yêu cầu khiếu nại bằng văn bản với lực sự thành phố trong vòng mười ngày giấy thông báo không trả đúng kỳ hạn được tổng đạt. Yêu

cầu khiếu nại bằng văn bản phải có các thông tin sau đây:

- (1) Tên, địa chỉ, và số điện thoại của mỗi khách hàng đang khiếu nại giấy thông báo không trả đúng kỳ hạn;
- (2) Địa chỉ của cơ ngơi được cung cấp dịch vụ tiện ích;
- (3) Ngày của giấy thông báo đang bị khiếu nại;
- (4) Lý do khiếu nại phải có đầy đủ chi tiết để vị giám đốc có thể hiểu rõ bản chất của sự việc gây tranh cãi; và
- (5) Chữ ký của ít nhất một người khiếu nại.

(b) Khi lục sự thành phố không nhận được yêu cầu khiếu nại kịp thời thì điều này có nghĩa là khách hàng từ bỏ quyền tranh cãi giấy thông báo không trả đúng kỳ hạn. Trong trường hợp này, giấy thông báo không trả đúng kỳ hạn là giấy thông báo cuối cùng và có giá trị áp dụng bắt buộc. (Sắc lệnh 2175 § 11, 2020)

14.12.330 Gia hạn thời gian thanh toán và dàn xếp các biện pháp trả lại tiền thay thế.

(a) Nếu một khách hàng không thể nào thanh toán một hóa đơn trong thời gian thanh toán bình thường, khách hàng đó có thể yêu cầu gia hạn thời gian thanh toán hoặc dàn xếp biện pháp thanh toán thay thế được mô tả trong đoạn này nếu khách hàng, hoặc người thuê nhà của khách hàng: (1) nộp cho thành phố chứng thư của một nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc ban đầu (như được định nghĩa trong Mục 14088(b)(1)(A) của Bộ Luật Phúc Lợi Và Định Chế, mục đó nói rất rõ ràng rằng tình trạng ngưng dịch vụ cấp nước sinh hoạt sẽ đe dọa tính mạng, hoặc là một mối đe dọa nghiêm trọng đến sức khỏe và sự an toàn, của người sống tại cơ ngơi được cung cấp dịch vụ cấp nước sinh hoạt; và (2) chứng minh rằng họ không thể nào dễ dàng trả tiền cho dịch vụ cấp nước sinh hoạt theo đúng chu kỳ lập hóa đơn bình thường của thành phố bởi vì người sống ở cơ ngơi đó có thu nhập thấp. Một yêu cầu như thế phải được đệ trình trước ngày và giờ ngưng dịch vụ như được tuyên bố trong giấy thông báo về tình trạng ngưng dịch vụ. Vị giám đốc, hoặc người được chỉ định, sẽ cứu xét yêu cầu đó. Vị giám đốc phải cứu xét yêu cầu đó và cân nhắc khả năng trả tiền của khách hàng, tình trạng trả tiền trong quá khứ, và số tiền đến hạn thanh toán, và có thể phê chuẩn gia hạn thời gian thanh toán hoặc kỳ hạn trả lại tiền, không được quá mười hai tháng. Những quyết định đưa ra chiếu theo đoạn này sẽ được trình bày bằng văn bản và cung cấp cho khách hàng bằng tiếng Anh, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Hoa, tiếng Tagalog, tiếng Việt, tiếng Hàn Quốc, và bất kỳ ngôn ngữ nào khác được nói bởi tối thiểu mười phần trăm số người sống trong khu vực dịch vụ của thành phố. Bất kỳ khách hàng nào mà yêu cầu của khách hàng đó dẫn đến một quyết định đưa ra bởi vị giám đốc trái với ý muốn của khách hàng thì khách hàng có thể khiếu nại quyết định đó với người quản lý thành phố, hoặc người chỉ định, trong vòng năm ngày. Quyết định của người quản lý thành phố sẽ là quyết định cuối cùng.

(b) Gia hạn. Nếu được phê chuẩn bởi vị giám đốc, kỳ hạn trả lại số tiền còn thiếu của khách hàng có thể được tạm thời gia hạn trong một khoảng thời gian không quá sáu tháng sau ngày đến hạn ban đầu của khoản tiền còn thiếu đó. Vị giám đốc, hoặc người được chỉ định, sẽ định đoạt thời gian gia hạn cho khách hàng. Khách hàng phải trả số tiền còn lại chưa thanh toán không muộn hơn ngày đã định bởi vị giám đốc và phải trả đúng thời hạn tất cả phí dịch vụ cung cấp nước sinh hoạt dồn tích trong những chu kỳ hóa đơn sau đó.

(c) Trả dần. Nếu được phê chuẩn bởi vị giám đốc, kỳ hạn trả lại số tiền còn thiếu của khách hàng có thể được trả dần trong một khoảng thời gian không quá mười hai tháng, dựa theo sự quyết định của vị giám đốc hoặc người được chỉ định. Nếu được phê chuẩn trả dần, số tiền còn thiếu sẽ được chia cho số tháng trong khoảng thời gian trả dần, và số tiền đó sẽ được thêm vào hóa đơn dịch vụ cấp nước sinh hoạt hàng tháng cho đến khi trả hết. Trong khoảng thời gian trả dần, khách hàng phải trả đúng thời hạn tất cả các phí dịch vụ cấp nước sinh hoạt dồn tích trong những kỳ hóa đơn sau đó.

(d) Kỳ Hạn Thay Thế Đề Trả Lại Tiền. Nếu được phê chuẩn bởi vị giám đốc, một khách hàng có thể trả lại số tiền còn thiếu chiếu theo kỳ hạn thanh toán thay thế không quá mười hai tháng, theo sự quyết định của vị giám đốc hoặc người được chỉ định. Nếu được phê chuẩn, kỳ hạn thanh toán thay thế có thể cho phép khách hàng trả một lần theo định kỳ mà không trùng với ngày thanh toán đã định của thành phố hoặc có thể cho phép trả thường xuyên hơn hoặc không thường xuyên hơn ngày thanh toán bình thường của thành phố. Trong khoảng thời gian của kỳ hạn thanh toán thay thế, khách hàng phải trả đúng thời hạn tất cả phí dịch vụ cấp nước sinh hoạt dồn tích trong những kỳ hóa đơn sau đó.

(e) Hiệu Chính Thanh Toán. Tùy thuộc vào ý muốn của vị giám đốc, một khách hàng có thể được giảm số tiền còn thiếu của khách hàng đối với bất kỳ dịch vụ cấp nước sinh hoạt nào. Vị giám đốc sẽ định đoạt liệu vị giám đốc đó có nên cho phép giảm khoản tiền thanh toán hay không.

(f) Sự Không Tuân Theo. Nếu một khách hàng không tuân theo biện pháp thanh toán đã dàn xếp và đã được phê chuẩn bởi vị giám đốc trong đoạn này hoặc không trả tiền cho dịch vụ cấp nước sinh hoạt hiện tại, và số tiền ban đầu đến hạn đã trễ hạn thanh toán hơn sáu mươi ngày, thành phố có thể ngưng dịch vụ cấp nước sinh hoạt. Thành phố sẽ dán giấy thông báo cuối cùng về tình trạng chấm dứt dịch vụ ở mọi nơi nổi bật và dễ thấy tại địa chỉ nhận dịch vụ ít nhất năm ngày

trước khi ngưng dịch vụ. Thông báo này sẽ không cho khách hàng quyền yêu cầu thành phố điều tra hoặc cứu xét. (Sắc lệnh 2175 § 12, 2020)

14.12.340 Khách hàng có thu nhập thấp.

Đối với tất cả khách hàng có thu nhập thấp được xác định trong chương này, thành phố phải tuân theo Mục 116914 của Bộ Luật Về Sức Khỏe Và Sự An Toàn. (Sắc lệnh 2175 § 13, 2020)

14.12.350 Quyền lợi bổ sung của khách hàng-Khách hàng thuê nhà.

Các quy định sau đây sẽ áp dụng trong trường hợp có mối quan hệ "chủ nhà-người thuê nhà" giữa những người sống ở đó và người chủ sở hữu, người quản lý, hoặc người điều hành cơ ngơi được cung cấp dịch vụ tiện ích.

(a) Khi thành phố cung cấp dịch vụ cho những người sống trong một căn nhà riêng biệt dành cho một gia đình, tòa nhà có nhiều hộ gia đình, khu quy hoạch nhà tiền chế, hoặc các căn nhà cố định trong một trại lao động, như được định nghĩa trong Mục 17008 của Bộ Luật Về Sức Khỏe Và Sự An Toàn, nơi mà chủ sở hữu, người quản lý, hoặc người điều hành nằm trong danh sách của thành phố là khách hàng trên giấy tờ, thành phố sẽ chân thành nỗ lực thông báo bằng văn bản cho những người sống ở đó ít nhất mười ngày trước khi ngưng dịch vụ tiện ích về tình trạng tài khoản tiện ích không trả đúng kỳ hạn và ngày dịch vụ tiện ích sẽ chấm dứt. Thông báo này cũng sẽ cho người sống ở đó biết thêm rằng họ có quyền trở thành khách hàng, rồi thành phố sẽ gửi hóa đơn dịch vụ cho họ mà họ không bị bắt buộc phải trả bất kỳ số tiền nào có thể cần phải trả của tài khoản đã trễ hạn thanh toán.

(b) Thành phố sẽ cung cấp dịch vụ cho những người thật sự sống ở đó nếu mỗi người sống ở đó đồng ý với các điều khoản và điều kiện của dịch vụ và đáp ứng các yêu cầu về quy tắc và điều lệ của thành phố. Mặc dù vậy, nếu một hoặc nhiều người sống ở đó sẵn lòng và có khả năng chịu trách nhiệm cho các phí của tài khoản sau đó và thành phố cảm thấy vừa ý, hoặc nếu có biện pháp hữu hình, có sẵn về mặt pháp lý cho thành phố, để tuyển chọn ngưng dịch vụ cho những người sống ở đó chưa đáp ứng các điều kiện về quy tắc và điều lệ của thành phố, thì thành phố sẽ cung cấp dịch vụ cho người nào sống ở đó đã đáp ứng các điều kiện.

(c) Bất kỳ người nào sống ở đó đã trở thành khách hàng của thành phố và các khoản thanh toán theo định kỳ của họ, chẳng hạn như tiền thuê nhà, bao gồm các phí dịch vụ cấp nước sinh hoạt cho gia cư, mà các phí đó không có kê khai riêng biệt, có thể khấu trừ từ khoản thanh toán theo định kỳ trong mỗi kỳ thanh toán tất cả phí hợp lý trả cho thành phố cho những dịch vụ đó trong kỳ thanh toán trước đó.

(d) Trong trường hợp của một căn nhà riêng biệt dành cho một gia đình, thành phố có thể:

(1) Gửi giấy thông báo cuối cùng về tình trạng chấm dứt dịch vụ ít nhất bảy ngày trước ngày dự định ngưng dịch vụ; hoặc

(2) Yêu cầu người sống ở đó trở thành khách hàng dịch vụ nước sinh hoạt của thành phố để xác minh rằng khách hàng đứng tên tài khoản trễ hạn thanh toán là hoặc từng là chủ nhà, người quản lý, hoặc người đại diện của căn nhà đó để thành phố có thể hủy bỏ số tiền còn thiếu trong tài khoản đã trễ hạn thanh toán. Sự xác minh có thể được hoàn tất bằng bằng chứng thỏa đáng đối với vị giám đốc cho thấy rằng người sống ở đó là người thuê căn nhà đó. (Sắc lệnh 2175 § 14, 2020)

14.12.360 Khả năng thanh toán nợ.

Để tránh phải đóng tiền đặt cọc, những người muốn mở một tài khoản tiện ích phải chứng minh mình có khả năng trả tiền, điều này có thể thực hiện một khi đáp ứng được một trong những tiêu chí sau đây:

(a) Người nộp đơn là khách hàng tiện ích hiện tại của thành phố và đã thanh toán tất cả hóa đơn dịch vụ mà không bị ngưng tạm thời hoặc vĩnh viễn do không trả tiền trong khoảng thời gian mười hai tháng liên tiếp ngay trước khi nộp đơn mở tài khoản tiện ích mới;

(b) Người nộp đơn từng là khách hàng tiện ích của thành phố trong hai năm qua và trong mười hai tháng liên tiếp cuối của dịch vụ đó người nộp đơn đã thanh toán tất cả các hóa đơn của dịch vụ đó mà không bị ngưng dịch vụ tạm thời hoặc vĩnh viễn do không trả tiền;

(c) Người nộp đơn sở hữu cơ ngơi mà người đó đang yêu cầu thành phố cung cấp dịch vụ tiện ích; hoặc là người chủ sở hữu bất động sản khác tại địa phương. Nếu người nộp đơn muốn mở tài khoản doanh nghiệp, bất động sản đó phải được sở hữu bởi doanh nghiệp mà sẽ được cung cấp dịch vụ;

- (d) Người nộp đơn muốn mở dịch vụ dành cho gia cư phải được thuê làm liên tiếp bởi người chủ hiện tại của người nộp đơn (bao gồm quân đội) trong thời gian hai năm hoặc lâu hơn, hoặc đang nghỉ hưu hưởng hưu bổng;
- (e) Người nộp đơn cung cấp một người bảo đảm theo hình thức thỏa đáng đối với luật sư thành phố để bảo đảm các hóa đơn dịch vụ tiện ích sẽ được thanh toán; hoặc
- (f) Người nộp đơn chứng minh họ có khả năng trả tiền theo sự thỏa đáng hợp lý của thành phố. (Sắc lệnh 2175 § 15, 2020)

14.12.370 Tiền đặt cọc bảo đảm.

- (a) Thành phố có thể bắt buộc một khách hàng đóng tiền đặt cọc cho thành phố để bảo đảm tất cả phí tiện ích được thanh toán.
- (b) Vị giám đốc, hoặc người được chỉ định, có thể định số tiền đặt cọc ở mức gấp ba lần số tiền trung bình trong hóa đơn hàng tháng trong quá khứ đối với cơ ngơi được cấp dịch vụ hoặc đối với một cơ ngơi khác rất giống cơ ngơi đó. Thành phố phải ghi có số tiền đặt cọc, không trả tiền lãi, vào tài khoản của khách hàng một khi ngưng bất kỳ dịch vụ nào và sau khi dùng tiền đặt cọc để thanh toán bất kỳ hóa đơn tiện ích nào mà khách hàng còn thiếu. Số tiền đặt cọc còn lại sau đó sẽ được trả lại cho người đóng tiền đặt cọc đó, không trả tiền lãi.
- (c) Bất kỳ người nộp đơn nào là chủ cơ ngơi trên giấy tờ, hoặc bất kỳ người nộp đơn nào có sự phê chuẩn bằng văn bản của chủ cơ ngơi trên giấy tờ, có thể lựa chọn ký kết thỏa thuận ủy quyền siết giữ, theo hình thức và phương pháp được quy định bởi vị giám đốc, hoặc người được chỉ định, thay cho tiền đặt cọc bằng tiền mặt. Khi làm vậy, người nộp đơn và/hoặc chủ cơ ngơi trên giấy tờ đồng ý rằng, chiếu theo các bộ luật chính quyền, Sức Khỏe Và Sự An Toàn, và dưới sự hướng dẫn của hội đồng thành phố, thành phố được ủy quyền thu phí trễ hạn thanh toán hoặc phí được áp đặt bởi các quy định trong chương này, bao gồm cả tiền lãi và tiền phạt, và hàng năm chuyển cho kiểm toán viên quận để đưa vào hóa đơn thuế năm sau của chủ cơ ngơi thích hợp. Mặt khác, một hành động khiếu kiện nhân danh thành phố có thể được bắt đầu ở bất kỳ tòa án có quyền tài phán nào đối với các lệ phí hoặc phí đã trễ hạn thanh toán và nếu hành động khiếu kiện của thành phố hoặc người được chỉ định của thành phố để thi hành việc thu số tiền phải trả theo chương này, bất kỳ phán quyết nào có lợi cho thành phố sẽ bao gồm chi phí của vụ kiện phát sinh do thành phố hoặc người chỉ định của thành phố bao gồm thù lao thỏa đáng của luật sư. (Sắc lệnh 2175 § 16, 2020)

Xem phiên bản di động.